

Số: 22 /2018/NQ-HĐND

Long An, ngày 12 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định mức chi hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng
hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình
mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 – 2020
trên địa bàn tỉnh Long An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật;*

*Thực hiện Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng
Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền
vững giai đoạn 2016 - 2020;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ
Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương
trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017 của Bộ
trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn một số nội dung
thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô
hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững
giai đoạn 2016 – 2020;*

*Xét Tờ trình số 58/TTr-UBND ngày 08/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh
về việc quy định mức chi hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế
và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm
nghèo bền vững giai đoạn 2018 – 2020 trên địa bàn tỉnh Long An; Báo cáo
thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo
luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi hỗ trợ dự án phát triển
sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương

trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh, như sau:

1. Đối tượng nhận hỗ trợ

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân, nhóm hộ và cộng đồng dân cư trên địa bàn xã bãi ngang, xã thuộc Chương trình 135 và xã ngoài xã bãi ngang, xã thuộc Chương trình 135, trong đó: Ưu tiên người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, người khuyết tật còn khả năng lao động thuộc hộ nghèo, phụ nữ thuộc hộ nghèo; tạo điều kiện để người sau cai nghiện ma túy, nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về thuộc hộ nghèo tham gia dự án.

Đối với những hộ đã được hưởng chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất khác thì không được nhận hỗ trợ của Chương trình này.

- Các hợp tác xã, doanh nghiệp có liên kết với người nghèo trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

2. Thời gian thực hiện dự án

Căn cứ vào tình hình thực tế ở địa phương, để tạo điều kiện cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân, nhóm hộ và cộng đồng dân cư có điều kiện phát triển sản xuất trên địa bàn được nhận vốn hỗ trợ của dự án, UBND cấp huyện (hoặc UBND tỉnh – nếu dự án do UBND tỉnh phê duyệt) quy định thời gian thực hiện cụ thể đối với từng dự án, nhưng tối đa là 3 năm và được ghi rõ trong quyết định phê duyệt dự án.

Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân, nhóm hộ và cộng đồng dân cư có điều kiện phát triển sản xuất do UBND tỉnh quy định cụ thể.

3. Mức chi hỗ trợ dự án

Mức hỗ trợ dự án: Dự án do UBND tỉnh phê duyệt tối đa là 400 triệu đồng/dự án. Dự án do UBND cấp huyện phê duyệt tối đa là 300 triệu đồng/dự án.

Mức hỗ trợ dự án bao gồm: Chi chuyên môn của dự án; kinh phí xây dựng, quản lý dự án và các khoản chi phí khác như: tập huấn, phổ biến kiến thức, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, hỗ trợ cán bộ hướng dẫn thực hiện dự án, chi đi thực tế học tập các dự án, mô hình có hiệu quả. Cụ thể:

a) Mức chi chuyên môn của dự án

S T T	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ tối đa cho doanh nghiệp, HTX có liên kết	Mức hỗ trợ tối đa cho hộ trên địa bàn xã bãi ngang, xã thuộc Chương trình 135 (triệu đồng/hộ)			Mức hỗ trợ tối đa cho hộ trên địa bàn ngoài xã bãi ngang, xã thuộc Chương trình 135 (triệu đồng/hộ)		
			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ mới thoát nghèo	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ mới thoát nghèo
1	Dự án hỗ trợ phát triển sản							

S T T	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ tối đa cho doanh nghiệp, HTX có liên kết	Mức hỗ trợ tối đa cho hộ trên địa bàn xã bãi ngang, xã thuộc Chương trình 135 (triệu đồng/hộ)			Mức hỗ trợ tối đa cho hộ trên địa bàn ngoài xã bãi ngang, xã thuộc Chương trình 135 (triệu đồng/hộ)		
			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ mới thoát nghèo	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ mới thoát nghèo
	xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo lĩnh vực nông-lâm-ngư nghiệp, gồm có:							
	- Dự án trồng trọt: Hỗ trợ Giống cây trồng; phân bón; thuốc bảo vệ thực vật; máy móc, nông cụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch. - Dự án chăn nuôi: Hỗ trợ Giống vật nuôi; chuồng trại; thức ăn chăn nuôi; vắc xin tiêm phòng; máy móc, công cụ sản xuất. - Dự án lâm nghiệp: Hỗ trợ Giống cây lâm nghiệp theo quy định trồng rừng sản xuất (hỗ trợ giống lần đầu); thuốc bảo vệ thực vật; phân bón. - Dự án nuôi trồng thủy sản: Hỗ trợ Giống thủy sản; thức ăn; vắc xin; cải tạo diện tích nuôi trồng thủy sản; ngư cụ đánh bắt.	0	20	15	10	15	10	5
2	Dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ.							
-	Hỗ trợ nhà xưởng, máy móc, thiết bị, công cụ, vật tư sản xuất.	0	20	15	10	15	10	5
-	Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với người nghèo trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm theo hợp đồng thuê, mua, sửa chữa và các chứng từ chi tiêu hợp pháp, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	50% giá trị hợp đồng và chứng từ chi tiêu hợp pháp, tối đa là 100 triệu đồng/DN, HTX						

Mỗi một hộ chỉ được nhận một trong các nội dung hỗ trợ chuyên môn nêu trên.

b) Mức chi xây dựng và quản lý dự án

Mức chi xây dựng và quản lý dự án không quá 4% tổng kinh phí thực hiện dự án và không quá 8% mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho dự án.

Kinh phí xây dựng và quản lý dự án được xác định trong quyết định phê duyệt dự án và được chi từ nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ (không được chi từ nguồn vốn đóng góp của dân, vốn lồng ghép khác).

4. Nguồn vốn ngân sách hỗ trợ thực hiện dự án

- Vốn hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững hàng năm.

- Vốn đối ứng từ ngân sách địa phương: Theo quy định của Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Vốn đối ứng của các hộ tham gia dự án, vốn vay tín dụng ưu đãi và vốn lồng ghép khác.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Long An khóa IX, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 12/7/2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2018./.

Nơi nhận:

- UB Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP.QH, VP.CP “TP.HCM” (b/c);
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Bộ Nông nghiệp – Phát triển nông thôn;
- TT.TU (b/c);
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa IX;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Các sở ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- VP.UBND tỉnh;
- LĐ và CV VP. HĐND tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Phòng Công báo - VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Rạng